TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2025
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thắng.

2. Ông Thông Phi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2024, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 13/2025/TB-TA ngày 20/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1989; nơi thường trú: thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Mang H, sinh năm: 1991; nơi thường trú: thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Mang Thị Kim T1, sinh ngày 10/7/2010; nơi thường trú: thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – Bà Phan Thị T trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Mang H tự nguyện kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh B. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc. Đến tháng 10/2024 cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do ông H thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập bà T. Bà T nhiều lần tha thứ cho ông H nhưng ông H vẫn không thay đổi. Hiện nay, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn với ông Mang H.

- Về con chung: Ông H với bà T có hai người con chung tên là Mang Thị Kim T1, sinh ngày 10/7/2010; Mang Triệu Anh T2, sinh ngày 14/01/2019. Khi ly hôn, bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung cho đến khi thành niên; bà T không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Trong giai đoạn giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn – Ông Mang H đến Tòa án để làm việc, nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do. Cho nên, Tòa án không ghi nhận được ý kiến, lời khai của ông H về những vấn đề liên quan trong vụ án.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Bà Phan Thị T cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: 02 bản sao chứng thực căn cước công dân; 01 bản sao chứng thực giấy chứng nhận kết hôn; 02 bản sao chứng thực giấy khai sinh con; 01 giấy xác nhận thông tin về cư trú.

- Ông Mang H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai đương sự; xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân của bà T, ông H tại địa phương.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành vi phạm Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền và nghĩa

vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 tiến hành xét xử là phù hợp.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị T được ly hôn với ông Mang H.

Về con chung: Giao cháu Mang Thị Kim T1, sinh ngày 10/7/2010; Mang Triệu Anh T2, sinh ngày 14/01/2019 cho bà Phan Thị T nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Mang H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom chăm sóc con, không ai được cản trở.

Về án phí: Bà Phan Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xem xét xét xử vắng nguyên đơn – Phan Thị T và bị đơn Mang H. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Phan Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Mang H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S vào năm 2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 25/2011,

quyển số 01/2011, ngày 26/4/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Do ông H thường uống rượu về kiếm chuyện gây gỗ, chửi bới, đánh đập bà T. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà T yêu cầu giải quyết ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 19/02/2025 thể hiện: Sau khi kết hôn bà T và ông H chung sống với nhau tại thôn A , xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu bà T và ông H chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do ông H không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu rồi về chửi với, đánh đập bà T. Hiện nay hai vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau nhưng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Xét thấy: Bà T xác định không còn tình cảm nên không còn mong muốn tiếp tục chung sống với ông H. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã trở nên trầm trọng, kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông Mang H và bà Phan Thị T có 02 người con chung tên là Mang Thị Kim T1, sinh ngày 10/7/2010; Mang Triệu Anh T2, sinh ngày 14/01/2019. Trường hợp vợ chồng ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi hai người con chung cho đến khi thành niên.

Tại các biên bản lấy lời khai cùng ngày 20/11/2024 thể hiện: Cháu Mang Thị Kim T1 có nguyện vọng được chung sống với bà T.

Xét thấy: Trong giai đoạn giải quyết vụ án, ông mang H vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H về vấn đề liên quan đến con chung. Hiện nay, Mang Thị Kim T1 và Mang Triệu Anh T2 đang chung sống cùng với bà T và ông H. Bà T có nguyện vọng được nuôi các con cho đến khi thành niên. Cháu Mang Thị Kim T1 có nguyện vọng được sống với bà T. Đối với cháu M Triệu Anh T2 đang tuổi còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của bà T. Nhằm đảm bảo cho các con có đủ điều kiện phát triển tốt về mọi mặt. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao Mang Thị Kim T1, sinh ngày 10/7/2010; Mang Triệu Anh T2, sinh ngày 14/01/2019 cho bà T được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về án phí: Bà Phan Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phan Thị T được ly hôn với ông Mang H.

- *Về con chung:*

Giao cho bà Phan Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 người con chung là Mang Thị Kim T1, sinh ngày 10/7/2010; Mang Triệu Anh T2, sinh ngày 14/01/2019 đến khi thành niên.

Ông Mang H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà T nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc các con; không ai được ngăn cản.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về án phí:* Bà Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0006326, ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã Suối Kiết;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến